

Bản án số: **07/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 30/01/2018

V/v Ly hôn giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2017/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu là 1 năm thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25 tháng 02 năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng không chung sống với mẹ chồng mà mẹ chồng cho vợ chồng đất để làm nhà. Hiện nay đất vẫn mang tên bố chồng là ông

Lê Văn T1. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Trong cuộc sống gia đình vợ chồng xảy ra nhiều chuyện xích mích, không hiểu ý nhau, bất đồng quan điểm về tính cách và tổ chức cuộc sống gia đình. Trong cuộc sống anh T hay uống rượu, mỗi lần uống rượu anh hăm dọa, đánh đập chị, cầm kích điện lừa chị. Nhiều lần chị phải về nhà ngoại ở nhưng vì con nên chị lại quay về tiếp tục chung sống. Gần đây, năm 2015 chị đi làm ở miền nam, trong 2 năm trời chị đi làm, chị vẫn gửi tiền về cho anh nuôi con nhưng anh không chăm con được nên chị phải gửi con về nhà ngoại ở và gửi tiền về bên ngoại nuôi con. Anh không bằng lòng, anh cho rằng chị gửi tiền về cho bên ngoại. Đến năm 2016, chị không làm ở miền nam nữa mà về làm công ty may gần nhà. Chị vẫn luôn có trách nhiệm với gia đình, đi làm vẫn gửi tiền về cho anh lo trang trải cuộc sống. Chị bận đi làm ở công ty, không đi cấy được nên chị đưa tiền cho anh thuê người cấy nhưng khi anh uống rượu vào, vẫn chửi bới chị, ngăn cấm chị không cho nấu cơm, không cho nấu bếp ga. Suốt 3 tháng trời chị phải nấu ăn riêng. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6/2016. Gần đây, anh cầm dao lừa chị, dí điện vào người chị, bóp cổ chị, bóp cổ con. Chị đã báo cáo chính quyền địa phương và Công an thôn để giải quyết. Anh T có hứa sửa chữa nhưng được một thời gian anh lại tiếp tục chửi bới, đe dọa. Chị đã bỏ qua, tha thứ cho anh rất nhiều lần, lần này là lần thứ tư. Chị xét thấy không thể chịu đựng, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên đã đưa 2 con về nhà ngoại ở từ tháng 11/2017 cho đến nay. Khi chị về nhà ngoại thì anh T có đến để khuyên bảo chị về. Gia đình bên ngoại cũng khuyên bảo chị đoàn tụ nhưng chị không thể quay về chung sống với anh T được nữa. Vì đối với con anh đang còn bóp cổ, bạo lực thì với chị anh cũng sẽ bóp cổ, đánh đập. Chị và anh T quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 6 năm 2016. Sau đó, vợ chồng không còn tình cảm nên không quan hệ sinh lý trở lại. Hiện nay chị H không có thai nghén. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

Về con: Chị và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Khánh H1, sinh ngày 25/5/2003 và Lê Nhật L, sinh ngày 01/7/2011 đều đang ở với chị. Nguyên vọng của chị về con như sau: Đối với cháu H1 nguyên vọng của cháu ở với ai là quyền của cháu. Đối với cháu thứ 2 khi chị có thai, anh không cho chị sinh, bắt phải bỏ đi, chỉ đẻ 1 con nhưng vì chị cố gắng và mạnh dạn nên mới giữ được con để sinh. Khi sinh con ra anh cũng không quan tâm đến con. Do cháu L đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ nên chị xin được nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân may tại Công ty may Dream đóng tại xã M, huyện N, có mức thu nhập bình quân từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng. Chị cam đoan có đủ điều kiện đảm bảo cho con phát triển tốt. Vì vậy, chị có nguyện vọng xin được

nuôi 2 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho cả 2 con.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 16 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với mẹ đẻ của anh nhưng mẹ anh có cho vợ chồng đất để làm nhà ở. Hiện nay đất vẫn mang tên bố đẻ của anh là ông Lê Văn T1. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong một thời gian rất ngắn bố mẹ và các anh đều chết. Do mất mát quá lớn nên tinh thần của anh hụt hẫng. Chị H không chia sẻ mà còn chửi anh là nhà một móng. Công việc chăn nuôi lại bị thua lỗ, hao hụt về kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, cãi nhau nhiều lần. Anh chán nản nên thỉnh thoảng uống rượu, mỗi lần uống rượu vào đầu óc không được tỉnh táo, đi ra bên ngoài mọi người kích động nên về nhà anh có ghen với chị. Anh có hăm dọa, chửi bới chị và gia đình bên ngoại nhưng anh không đánh chị, không dùng kích điện để hăm dọa. Gia đình anh nuôi bò nhưng không may bò chết nên anh tức có cảm dao để đe dọa chị chứ không chém chị. Thời gian chị đi làm công ty trong miền nam anh vẫn trông và chăm sóc con, đưa đón con đi học. Đến tháng 11/2017 chị H đã đưa 2 con về nhà ngoại ở. Sau khi chị H về nhà ngoại, anh đã đến để khuyên bảo chị đưa 2 con về nhưng không được. Anh và chị H quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 6 năm 2016. Hiện nay chị H không có thai nghén. Nay chị H xin ly hôn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên xin được đoàn tụ. Anh đã suy nghĩ lại, nhận thấy hối hận, anh sẽ làm lại, quan tâm đến vợ con, đối xử tốt với gia đình nội ngoại.

Về con: Vợ chồng có 2 con chung như chị H trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi 2 con và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Vì ngoài làm ruộng, anh còn làm thợ xây, trèo dừa, trèo cau và buôn bán dừa, cau có thu nhập, đảm bảo cuộc sống các con. Vấn đề cấp dưỡng là tùy khả năng của chị H.

Về tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho chị H nuôi cháu Lê Khánh H1 còn anh T nuôi cháu Lê Nhật L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản:

Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống, quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp, không đồng cảm dẫn đến không hiểu và thông cảm cho nhau. Từ bất đồng dẫn đến không còn tôn trọng nhau nữa. Chị H đưa 2 con về nhà ngoại để ở. Hiện nay chị H không có thai nghén. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn tha thiết nguyện vọng được ly hôn. Về phía anh T, do chấn động tinh thần, chăn nuôi bị thua lỗ làm ảnh hưởng tâm lý, đời sống, tình cảm. Về sau anh đã nhận thấy sai, hứa sửa chữa và xin được đoàn tụ nhưng chị H không tin vào sự thay đổi của anh, không chấp nhận đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con: Chị H và anh T có 2 con chung, đều có nguyện vọng nuôi cả 2 con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao nuôi con cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi người, số con chung và nguyện vọng của con từ 7 tuổi trở lên. Cả 2 người đều có nghề làm ruộng, chăn nuôi, có thu nhập từ nghề nông. Ngoài ra, mỗi người đều có thu nhập khác, anh thì làm thợ xây, trèo dừa, trèo cau và buôn bán các loại quả này, chị thì làm thợ may đều có thu nhập đảm bảo cuộc sống. Về điều kiện thì anh đang ở nhà của vợ chồng, chị đang ở nhờ bên ngoại, chưa có điều kiện tự lập về nơi ở. Cháu Khánh H1 (hơn 14 tuổi) có nguyện vọng ở với mẹ còn cháu L đã hơn 6 tuổi. Vì vậy, giao cho mỗi người nuôi 1 cháu, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là phù hợp. Do mỗi người đều trực tiếp nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Khánh H1, sinh ngày 25/5/2003. Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật L, sinh ngày 01/7/2011. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006504 ngày 07/11/2017, chấp nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị H, anh T. Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ

